



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

**(Kèm theo quyết định số 932/QĐ-VACI ngày 03 tháng 6 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)**

Phòng thí nghiệm: **Phòng hiệu chuẩn thiết bị đo đạc**
Laboratory: Measurement equipment calibration room

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Công nghệ Nguyễn Kim**
Holding organization: Nguyen Kim Technology Joint Stock Company

Lĩnh vực: **Hiệu chuẩn Độ dài**
Field: Length Calibration

Người phụ trách/Representative: **Phùng Xuân Khải**
Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

TT/No	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Giang Thị Mai Uyên	Tất cả các phép thử được công nhận (pháp nhân) <i>All accredited tests (legal entity)</i>
2.	Phùng Xuân Khải	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
3.	Vũ Ngọc Quang	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
4.	Cao Thanh Tuyền	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 223**

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: **02/6/2031**

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

Thôn Mai Nội, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mai Noi village, Soc Son commune, Hanoi city, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

Số 17 ngõ 1/3 Vũ Trọng Khánh, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

No. 17, Lane 1/3, Vu Trong Khanh street, Ha Dong ward, Hanoi city, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 0242.245.95.94

Email: tonghop.nk@gmail.com

Lĩnh vực Hiệu chuẩn: Độ dài

Field of Calibration: Length

STT No	Tên đại lượng đo/phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Name of the measured quantity/measuring instrument being calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Measuring range</i>	Phương pháp hiệu chuẩn <i>Calibration method</i>	Độ không đảm bảo đo <i>Measurement uncertainty</i>
1.	Toàn đạc điện tử <i>Electronic total station</i>	Khoảng cách: (0-2500) m - Sai số đo khoảng cách $\geq (1+1,5 \times 10^{-6}L)$ mm; [L]:m <i>Distance: (0-2500) m</i> - <i>Distance measurement error $\geq 1+1,5 \times 10^{-6}L$ mm; [L]:m</i> Góc: (0-360) ^o - Sai số đo góc $\geq 1''$ <i>Angle: (0-360)^o</i> - <i>Angle measurement error $\geq 1''$</i>	QTHC-01/NK	$(1+1,6 \times 10^{-6}L)$ mm; [[L]:m 1,4"
2.	Phương tiện đo thủy chuẩn (đo chênh cao với mìn trong một trạm đo) <i>Leveling instrument (measuring elevation differences with a leveling rod at a surveying station)</i>	Phạm vi chênh cao: đến 3 m ¹⁾ - Chiều dài tia ngắm từ máy tới mìn và chênh lệch khoảng cách từ máy đến hai mìn trong một trạm phù hợp với các chênh cao hạng 1, 2, 3, 4. ¹⁾ - Độ lệch chuẩn: $S_{AL} \geq 0.50$ mm/1000 m) <i>Elevation range: up to 3 m¹⁾ - The length of the sighting line from the instrument to the leveling rod and the difference in distance from the instrument to two leveling rods in a station corresponds to elevation differences of order 1, 2, 3, 4. ¹⁾ - Standard deviation: $S_{AL} \geq 0.50$ mm/1000 m)</i>	QTHC 02/NK	0,87 mm

